

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu/ hội thoại sau.

Câu 1: _____ 今天被拆了。

- A. 我们那所老的有一百多年历史房子
B. 那所我们有一百多年历史的老房子
C. 那所我们有一百多年历史的老房子
D. 我们那所有一百多年历史的老房子

Câu 2: 本次献血活动的举办方 _____ 多次献血的大学生提供免费体检服务。

- A. 为
B. 由
C. 将
D. 对

Câu 3: 他 _____ 骑车去朋友那儿玩了。

- A. 很
B. 还
C. 更
D. 又

Câu 4: 早餐我们全家人常吃面包 _____ 糯米饭。

- A. 但是
B. 还是
C. 或者
D. 所以

Câu 5: 你们卖的香蕉 _____ 贵了, 便宜点儿吧。

- A. 只
B. 不
C. 别
D. 太

Câu 6: 你做的那杯奶茶特别 _____。

- A. 累
B. 好喝
C. 开心
D. 老

Câu 7: 这么晚了, 你怎么还没下 _____ 呢?

- A. 歌
B. 班
C. 话
D. 信

Câu 8: 越南人民以奇特的构思与灵巧的双手 _____ 了灿烂的民间艺术文化。

- A. 创新
B. 创造
C. 建设
D. 建立

Câu 9: 他习惯睡觉前 _____ 一会儿书。

- A. 坐
B. 打
C. 去
D. 看

Câu 10: 他把名字写在本子 _____ 了。

- A. 东
B. 上
C. 北
D. 右

Câu 11: 要是想在短期内把汉语水平提高 _____, 你非得下苦功夫。

- A. 上去
B. 下去
C. 过来
D. 上来

Câu 12: 妹妹买回来 _____ 水果很新鲜。

- A. 过
B. 着
C. 地
D. 的

Câu 13: 你们班的班长是 _____ 一个呢?

- A. 什么
B. 怎么
C. 哪
D. 谁

Câu 14: 今天我们班不用上口语课 _____ ?

- A. 吗
B. 嘛
C. 哦
D. 呢

Câu 15: 这 _____ 足球比赛马上就要结束了。

- A. 场
B. 部
C. 辆
D. 张

Câu 16: 我觉得这 _____ 裙子的样式很时髦。

- A. 条
B. 片
C. 本
D. 支

Câu 17: 人的一生中, _____ 有胜利的喜悦, _____ 有失败的痛苦。

- A. 连……也……
B. 越……越……
C. 一……就……
D. 既……又……

Câu 18: 其实每个人都知道, _____ 勤奋努力, _____ 能在事业上获得成功。

- A. 即使……也……
B. 无论……都……
C. 只有……才……
D. 既然……就……

Câu 19: 小王: _____ !

小李: 不客气!

- A. 早上好
B. 没关系
C. 周末见
D. 谢谢你

Câu 20: Phiên âm đúng của từ 夏天 là: _____.

- A. xiàtián B. xiàtián C. xiàtiān D. xiàtiān

Câu 21: Phiên âm đúng của từ 学习 là: xué_____í.

- A. q B. l C. x D. n

Câu 22: Phiên âm đúng của từ 事业 là: sh_____yè.

- A. ì B. è C. àn D. uò

Câu 23: 本次列车又不能_____时出发了。

- A. 抱 B. 按 C. 打 D. 拉

Câu 24: 上大学时他已_____认识了很多朋友。

- A. 绘 B. 经 C. 红 D. 给

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc, từ câu 25 đến câu 29.

追求完美是人的一种生命本质的流露，它是推动世界上古往今来许多人奋发向上勇于进取的原动力。由于它的存在，我们这个纷乱的社会才变得更加有序，整个人类社会才不断地走向现代文明。

然而，智者会告诉我们，人生不必刻意去追求完美，因为世界上本来就没有真正的完美。人们只能在朝着这个目标前进的过程中力求把事情做得更好，不断地完善自身，不断地趋向完美，而永远无法达到真正完美的境界。因此从这个意义上说，刻意追求完美是一种自我折磨，是对自己的一种无谓的苛求。其后果必然是到头来大失所望，并背上自卑的沉重心理负担。

人从诞生的那一天起，就坐上了生命的列车，开始了自己的人生旅途。一路上，你不要对美好的风景过于流连忘返，因为你还有很多路要走，也不要忙着憧憬未来，因为你还处在现在。一切过去都将终于现在，所有未来也都始于现在。

对我们来说，生命就是一个奇迹，一个难得的奇迹，因此我们必须学会正确把握和善待这唯一的不平凡的人生，来实现各自的生命价值，这才是人生的意义所在。这平凡的人生不一定要有多少辉煌，一个平凡的人生本来就是一种不平凡。有句话说：生活得最有意义的人，是对生活最有感受的人。

(梁鸿雁，《新汉语水平考试精讲精练》，北京语言大学出版社，2011年，有删改)

Câu 25: 根据第一段的内容，追求完美让人类社会：

- A. 不断地背上沉重心情 B. 变得更加平凡
C. 不断地走向现代文明 D. 变得更加纷乱

Câu 26: 人生不必刻意追求完美是因为：

- A. 人们都生活在完美的世界里 B. 追求过程中使社会变得平凡
C. 追求过程中让人更自信 D. 世界上没有真正的完美

Câu 27: 作者认为对美好的风景**不**应该：

- A. 舍不得离开 B. 享受人生旅途 C. 坐列车离开 D. 忙着憧憬未来

Câu 28: 根据本文，人生的意义在于：

- A. 尽力取得巨大的成就 B. 流连生活美好的风景
C. 拼命追求真正的完美 D. 实现自我的生命价值

Câu 29: 根据本文，下列哪项说法正确？

- A. 追求完美总让人大失所望 B. 朝着目标前进是一种自我折磨
C. 我们要学会接受人生的不完美 D. 自己的人生旅途终于现在

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong bài đọc, từ câu 30 đến câu 39.

从前有一位善心的大富翁，盖了一栋大房子。他要求建房子(30)_____师傅把那四周的房檐建得加倍的长，使贫苦无家的人能在下面暂时躲避风雨。房子建成了，(31)_____有许多穷人聚集檐下，他们甚至摆摊子做起买卖，并生火煮(32)_____，过着平定安稳的日子。

但是，嘈杂的人声与油烟使富翁难以忍受，不高兴的家人也常与檐下的人(33)_____。有时，大家还骂富翁不仁不义，把所有的责任都推在他身(34)_____。夏天，一场大风，别人的房子都没事儿，富翁的房子却因为屋檐建得太长而(35)_____风吹掉了屋顶。村里人都说这是恶有恶报。

重修屋顶时，富翁要求只建小小的屋檐，因为他明白了一个道理。每个人都有自尊，他原来的做法让人产生了自卑感，结果(36)_____自卑变成了敌对。富翁把钱捐赠给了慈善机构，并盖了一间小房子，所能荫庇的范围远比以前的房檐小，但是四周有墙，是一栋(37)_____的房子。许多无家可归的人(38)_____在其中获得暂时的庇护，并在临走时问这栋房是哪位善人捐钱修建的，曾接受过帮助的人不停地向他表示感激。没过几年，富翁成为最受欢迎的人，(39)_____在他过世后，人们还为继续受他的恩泽而纪念他。

(顾顺莲, 《挑战HSK初中等》, 北京大学出版社, 2004年, 有删改)

- | | | | | |
|---------|-------|-------|-------|-------|
| Câu 30: | A. 地 | B. 过 | C. 着 | D. 的 |
| Câu 31: | A. 当然 | B. 仍然 | C. 果然 | D. 突然 |
| Câu 32: | A. 车 | B. 书 | C. 椅 | D. 饭 |
| Câu 33: | A. 检查 | B. 争吵 | C. 调查 | D. 寻找 |
| Câu 34: | A. 外 | B. 右 | C. 上 | D. 中 |
| Câu 35: | A. 向 | B. 对 | C. 被 | D. 比 |
| Câu 36: | A. 为 | B. 把 | C. 由 | D. 以 |
| Câu 37: | A. 正式 | B. 合身 | C. 正确 | D. 合理 |
| Câu 38: | A. 很 | B. 都 | C. 太 | D. 才 |
| Câu 39: | A. 甚至 | B. 哪怕 | C. 所以 | D. 尽管 |

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích cho từ/ cụm từ in đậm trong các câu sau.

Câu 40: 因为事情多，时间又紧，所以他只能在河内**停**三天就回去了。

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 停住 | B. 居住 | C. 停留 | D. 居留 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 41: 那个地方太**远**，你最好坐车去。

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 不快 | B. 不近 | C. 不慢 | D. 不旧 |
|-------|-------|-------|-------|

Câu 42: 老师讲的内容你**明白**了吗?

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 念 | B. 买 | C. 懂 | D. 找 |
|------|------|------|------|

Câu 43: 如果我们不献出自己的汗水，发展社会只是一句**空话**。

- | | | | |
|-------|-------|-----------|-----------|
| A. 笑话 | B. 实话 | C. 不能相信的话 | D. 不能实现的话 |
|-------|-------|-----------|-----------|

Câu 44: 小明去国外那天，他父母**依依不舍**地送他上了飞机。

- | | | | |
|---------|---------|---------|---------|
| A. 依然如故 | B. 非常留恋 | C. 不忍放弃 | D. 亲热靠着 |
|---------|---------|---------|---------|

Câu 45: 我爸爸的**办公室**特别大。

- | | | | |
|----------|-------|-------|----------|
| A. 工作的地方 | B. 饭店 | C. 书店 | D. 买卖的地方 |
|----------|-------|-------|----------|

Câu 46: 你放心! 再也没人敢在你背后做**手脚**了。

- | | | | |
|-------|-------|-------|-------|
| A. 手足 | B. 脚步 | C. 手段 | D. 方法 |
|-------|-------|-------|-------|

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) của từ/ cụm từ trong ngoặc để hoàn thành các câu sau.

Câu 47: 他在A那儿看了B半天也没有看C出D毛病来。(这幅画儿的)

Câu 48: 上A课的B时候C小王问了很多D。(问题)

Câu 49: 每天爸爸都A把我们送B学校以后C才上D班。(到)

Câu 50: 陈玲A什么时候都B帮助C新来的D学生。(热情地)

----- HẾT -----